

Bản án số: 810/2024/HC-PT

Ngày: 31 - 7 - 2024

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính
trong quản lý Nhà nước về lĩnh vực đất
đai”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Từ

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 287/2024/TLPT-HC ngày 15 tháng 3 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về lĩnh vực đất đai”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 11/2024/HC-ST ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1847/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1/Ông Phạm Hoài T, sinh năm 1973 (có mặt);

2/Bà Nguyễn Kim L, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà B T, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Khuru Mỹ V – Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

- Người bị kiện:

1/Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng

Địa chỉ trụ sở: Số D đường T, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc P, chức vụ: Phó chủ tịch (xin xét xử vắng mặt).

2/Ủy ban nhân dân huyện B

3/Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện B

Địa chỉ: Số B N, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Văn T1, chức vụ: Phó chủ tịch (xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Phạm Hoài T, bà Nguyễn Kim L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/7/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/7/2023 và bản tự khai của người khởi kiện ông Phạm Hoài T, bà Nguyễn Kim L trình bày:

Ông Phạm Hoài T và bà Nguyễn Kim L là chủ sử dụng diện tích đất 8.646,1m² thuộc các thửa 73, 79, tờ bản đồ 11, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Trên đất trồng cây hàng năm và đang thời kỳ kinh doanh. Gia đình ông bà sử dụng ổn định và đó là nguồn thu nhập chính của gia đình. Ngày 30/11/2022 ông, bà được Ủy ban nhân dân xã L mời vào làm việc và tại buổi làm việc này thì được thông báo đất của ông bà nêu trên bị thu hồi để làm thủy điện Đại Bình và yêu cầu ông bà giao mặt bằng và nhận tiền đền bù các khoản sau:

-Bồi thường về giá trị quyền sử dụng đất là: 828.588.000 đồng/8.377,5m² quy ra (55.000 đồng/m²) nhân hệ số 1,82;

-Bồi thường về tài sản trên đất là: 400.177.000 đồng.

-Hỗ trợ ổn định đời sống, chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc làm: 475.883.000 đồng;

Ông, bà không đồng ý nhận tiền bồi thường vì giá bồi thường quá thấp, chỉ bằng 1/4 giá thị trường tại thời điểm thu hồi.

Không đồng ý với việc bồi thường trên nên ông bà có đơn khiếu nại. Ngày 03/3/2023 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 280/QĐ-UBND: không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông bà.

Không đồng ý ông bà tiếp tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh L. Ngày 13/6/2023 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L ban hành Quyết định số 1163/QĐ-UBND: không chấp nhận khiếu nại của ông bà, giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 280/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

Ông bà không đồng ý với các quyết định trên bởi các lý do sau:

1/Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định thu hồi đất số 2241/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 nhưng đến ngày 30/11/2022 mới giao cho ông bà bản photocopy là trái quy định.

2/Diện tích đất của ông bà bị thu hồi hai thửa là 8.646,1m² nhưng chỉ được tính toán bồi thường trên diện tích 8.377,5m² là thiệt hại 286,6m².

3/Khi cưỡng chế tài sản phía cơ quan có thẩm quyền không gửi thông báo về việc cưỡng chế cho ông bà là trái quy định.

4/Giá đất bồi thường là quá thấp chỉ bằng 1/4 giá thị trường tại thời điểm thu hồi.

5/Trên đất bị thu hồi của ông bà có nhà tạm cấp 4 diện tích 78m² và 01 sân bê tông diện tích 12m² đã có Văn bản 5124 ngày 13/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh L nhưng ông bà không được bồi thường tài sản này và phía Công ty T3 đã san ủi phá bỏ nhà ở, sân của ông bà.

Do đó, ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Huỷ Quyết định số 1163/QĐ-UBND ngày 13/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L về việc giải quyết đơn của ông bà Phạm Hoài T- Nguyễn Kim L (lần hai);

- Huỷ Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Hoài T (lần đầu);

- Huỷ Quyết định số 2241/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc thu hồi đất;

- Huỷ một phần Quyết định số 2234/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện B về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Huỷ Quyết định số 4224/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về cưỡng chế thu hồi đất;

- Yêu cầu bồi thường cho ông bà theo giá thị trường tại thời điểm cưỡng chế thu hồi đất.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L trình bày:

1/Tóm tắt nội dung vụ việc:

Ông Phạm Hoài T, bà Nguyễn Kim L, khiếu nại đề nghị xem xét lại đơn giá bồi thường về đất; khiếu nại Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất khi chưa đủ điều kiện và việc tổ chức cưỡng chế không đảm bảo tính công khai, dân chủ, khách quan theo quy định của pháp luật. Vụ việc đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B xem xét giải quyết tại Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 với nội dung không chấp nhận khiếu nại.

Không đồng ý, ông Phạm Hoài T, bà Nguyễn Kim L tiếp tục có đơn khiếu nại. Vụ việc đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh X1, giải quyết tại Quyết định số 1163/QĐ-UBND ngày 13/6/2023 về việc giải quyết đơn của ông, bà Phạm Hoài T- Nguyễn Kim L với nội dung: “Giữ nguyên Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết đơn của ông, bà Phạm Hoài T- Nguyễn Kim L”.

2/Kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân huyện B và Sở T4:

a) *Quá trình thu hồi đất, tính toán bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng:*

Ngày 09/12/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh C Văn bản số 8004/UBND-ĐC về việc chấp thuận phạm vi ranh giới, diện tích đất để xây dựng thủy điện Đại Bình.

Ngày 24/02/2020, Ủy ban nhân dân huyện B có Thông báo số 28/TB-UBND về việc thông báo thu hồi đất của 141 hộ gia đình, cá nhân để xây dựng thủy điện Đại Bình. Ngày 21/5/2020, Ủy ban nhân dân xã L tổ chức cuộc họp để công khai chủ trương thu hồi đất, ông, bà Phạm Hoài T- Nguyễn Kim L có tham gia cuộc họp này. Những người tham gia đều đồng ý chủ trương thu hồi đất, số liệu về đất đai và tài sản gắn liền với đất đã được kiểm định trước đó.

Ngày 20/10/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh B Quyết định số 2358/QĐ-UBND về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất để triển khai thực hiện dự án thủy điện Đ, tại xã L và xã T, huyện B.

Ngày 28/4/2021, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và công trình công cộng huyện B ban hành Thông báo số 59/TB-BQLDA công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất dự án thủy điện Đ.

Ngày 14/5/2021, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và công trình công cộng huyện B chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân xã L tổ chức cuộc họp để công khai dự kiến phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất dự án thủy điện Đ. Tại cuộc họp ông Phạm Hoài T có mặt nhưng không có ý kiến gì về vị trí, diện tích, loại đất bị thu hồi mà đề nghị xem xét lại đơn giá bồi thường; các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi thống nhất chủ trương thu hồi đất và đề nghị hỗ trợ thêm để người có đất bị thu hồi đỡ thiệt thòi.

Ngày 30/6/2021, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 2241/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông, bà Phạm Hoài T- Nguyễn Kim L diện tích 8.377,5m² đất tại một phần các thửa đất số 73, 79, tờ bản đồ số 11, xã L (thuộc các thửa đất số 40, 41, 67, tờ bản đồ số 28, đo đạc năm 1999). Trong diện tích 8.377,5m² đất nêu trên, ông Phạm Hoài T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL100281 ngày 04/12/2007 (thửa đất số 67) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 100282 (thửa đất số 40), loại đất trồng cây

hàng năm; một phần thửa đất số 41 do ông Phạm H đứng tên, nhưng giữa ông Phạm H và ông Phạm Hoài T không có tranh chấp.

Cùng ngày 30/6/2021, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 2234/QĐ-UBND phê duyệt phương án tính toán bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng thủy điện Đại Bình. Theo Quyết định này, ông, bà Phạm Hoài T- Nguyễn Kim L được tính toán bồi thường, hỗ trợ các khoản sau:

- Bồi thường về đất: 838.588.000 đồng (*gồm: bồi thường diện tích 8.377,5m² loại đất trồng cây hàng năm, vị trí 3, giá theo Bảng giá đất: 55.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh: 1,82*).

- Bồi thường về tài sản gắn liền với đất: 400.177.000 đồng. Riêng nhà tạm cấp 4C (diện tích 78m²), sân bê tông (12m²) không bồi thường, hỗ trợ.

- Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm: 475.883.000 đồng.

b) Về cưỡng chế thu hồi đất:

Trong quá trình tổ chức thực hiện quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án tính toán bồi thường, hỗ trợ, nhiều hộ dân có thắc mắc về đơn giá bồi thường, hỗ trợ, Công ty cổ phần T3- Lâm Đồng đã thống nhất hỗ trợ thêm để tổng số tiền mà các hộ gia đình được nhận là 4,7 tỷ đồng/ha (trọn gói về đất, cây trồng trên đất, chính sách hỗ trợ). Hầu hết các hộ gia đình đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng, nhưng vẫn còn 07 hộ không đồng ý nhận, trong đó có trường hợp ông, bà, Phạm Hoài T- Nguyễn Kim L. Tại Biên bản làm việc ngày 01/4/2022 và Biên bản làm việc ngày 10/8/2022, Công ty cổ phần T3- Lâm Đồng đồng ý mức bồi thường, hỗ trợ trọn gói (gồm bồi thường về đất, cây trồng trên đất, chính sách hỗ trợ) cho ông, bà Phạm Hoài T- Nguyễn Kim L mức 05 tỷ đồng/ha, nhưng gia đình ông, bà Phạm Hoài T- Nguyễn Kim L không đồng ý nhận tiền và bàn giao mặt bằng.

Ông, bà Phạm Hoài T- Nguyễn Kim L không đồng ý bàn giao đất để triển khai thực hiện dự án. Sau nhiều lần các cơ quan chức năng đã tuyên truyền vận động, thuyết phục và thỏa thuận về mức hỗ trợ ngoài khung chính sách nên ngày 10/11/2022, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 4224/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình ông, bà Phạm Hoài T- Nguyễn Kim L.

Ngày 17/11/2022, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 4310/QĐ-UBND thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất huyện B; đồng thời, Ủy ban nhân dân xã L tiếp tục công tác vận động, thuyết phục, nhưng ông, bà Phạm Hoài T- Nguyễn Kim L vẫn không đồng ý bàn giao mặt bằng (Biên bản làm việc ngày 11/11/2022).

Ngày 28/11/2022, Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất huyện B có Thông báo số 218/TB-CCTHĐ về việc tổ chức thực hiện quyết định thu hồi đất (trong đó có ông, bà Phạm Hoài T- Nguyễn Kim L). Ngày 30/11/2022, Ủy ban nhân dân xã L và các cơ quan chức năng đã phổ biến kế hoạch cưỡng chế và vận động, thuyết phục ông, bà Phạm Hoài T- Nguyễn Kim L nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng, nhưng ông, bà Phạm Hoài T- Nguyễn Kim L không chấp hành.

Ngày 01/12/2022, Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất huyện B đã tiến hành việc cưỡng chế trên thực địa đối với ông, bà Phạm Hoài T- Nguyễn Kim L theo quy định.

3/Căn cứ pháp lý để ban hành quyết định:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Đất đai năm 2013; Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011.

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Khiếu nại; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.

a) Việc ông, bà Phạm Hoài T- Nguyễn Kim L đề nghị xem xét lại đơn giá bồi thường về đất là không có cơ sở để xem xét giải quyết, vì:

- Căn cứ Điều 112, Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; các Thông tư: số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014, số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014, số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ T5; trên cơ sở thông tin, dữ liệu về giá đất phổ biến trên thị trường, Ủy ban nhân dân huyện B đã lập Báo cáo thuyết trình, đã được Hội đồng thẩm định giá tỉnh Lâm Đồng thẩm định (Tờ trình số 466/TTr-STNMT ngày 13/10/2020 của Sở T4), ngày 20/10/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh B Quyết định số 2358/QĐ-UBND về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để triển khai thực hiện dự án thủy điện Đ, tại xã L và xã T, huyện B.

- Thực hiện Quyết định số 2358/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh, ngày 30/6/2022, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 2234/QĐ-

UBND về việc phê duyệt tính toán bồi thường, hỗ trợ cho ông, bà Phạm Hoài T- Nguyễn Kim L là đúng quy định của pháp luật.

b) Việc ông, bà Phạm Hoài T- Nguyễn Kim L khiếu nại UBND huyện Bảo Lâm ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất khi chưa đủ điều kiện và việc tổ chức cưỡng chế không đảm bảo tính công khai, dân chủ, khách quan theo quy định của pháp luật là không có cơ sở để xem xét giải quyết, vì:

- Để triển khai thực hiện dự án thủy điện Đ, tại xã L và xã T, huyện B, ông, bà Phạm Hoài T- Nguyễn Kim L đã được các cơ quan chức năng ban hành quyết định thu hồi đất và xem xét tính toán bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật. Ông, bà Phạm Hoài T- Nguyễn Kim L cũng đã được Chủ đầu tư thỏa thuận hỗ trợ thêm ngoài khung chính sách, đồng thời các cơ quan chức năng cũng đã nhiều lần vận động, thuyết phục, nhưng ông, bà Phạm Hoài T- Nguyễn Kim L vẫn không chấp hành bàn giao đất để triển khai thực hiện dự án theo quy định. Do vậy, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 4224/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình ông, bà Phạm Hoài T- Nguyễn Kim L là đúng quy định của pháp luật.

- Do ông, bà Phạm Hoài T- Nguyễn Kim L không tự nguyện bàn giao đất, Quyết định cưỡng chế thu hồi đất đã được niêm yết tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã L; ông, bà Phạm Hoài T- Nguyễn Kim L đã nhận được Quyết định cưỡng chế, Quyết định cưỡng chế đã có hiệu lực pháp luật nên đủ điều kiện tổ chức cưỡng chế theo quy định tại khoản 2 Điều 71 Luật Đất đai năm 2013.

- Trước khi thực hiện cưỡng chế thu hồi đất, các cơ quan chức năng đã phổ biến phương án cưỡng chế, kế hoạch cưỡng chế và tiếp tục vận động thuyết phục, nhưng ông, bà Phạm Hoài T- Nguyễn Kim L vẫn không chấp hành Quyết định cưỡng chế theo quy định nên việc tổ chức cưỡng chế trên thực địa là đảm bảo theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 71 Luật Đất đai năm 2013.

- Việc Ủy ban nhân dân huyện B tổ chức cưỡng chế thu hồi đất là đảm bảo điều kiện, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; thông qua việc tổng đạt quyết định cưỡng chế thu hồi đất cho người có đất bị thu hồi, niêm yết công khai và vận động thuyết phục đã thể hiện tính công khai, khách quan, chính xác của việc cưỡng chế; trước khi cưỡng chế đã đối thoại với người bị cưỡng chế và mọi trường hợp không chấp hành đều bị cưỡng chế như nhau là đảm bảo tính dân chủ, công bằng.

Do vậy, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh X1, giải quyết tại Quyết định số 1163/QĐ-UBND ngày 13/6/2023 về việc giải quyết đơn của ông ông, bà Phạm Hoài T- Nguyễn Thị L1 là đúng quy định của pháp luật.

4/Kiến nghị về việc giải quyết:

Từ các căn cứ pháp lý nêu trên, đề nghị Tòa án tuyên xử không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B trình bày:

1/Nội dung Tòa án đề nghị Ủy ban nhân dân huyện B có văn bản trình bày về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, nội dung ban hành Quyết định số 2241/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 về việc thu hồi đất của hộ gia đình cá nhân để thực hiện dự án thủy điện Đ; Quyết định số 2234/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng thủy điện Đại Bình, địa điểm: xã T và xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Về nội dung này Ủy ban nhân dân huyện có ý kiến như sau:

Dự án thủy điện Đại Bình là dự án thu hồi đất để phát triển Kinh tế xã hội theo quy định tại Điều 62, Luật đất đai 2013. Hộ ông Phạm Hoài T bà Nguyễn Thị Kim L2 có đất nằm trong ranh thu hồi của dự án thuộc các thửa 36, 40, 67, tờ bản đồ số 28, xã L với diện tích 8.377m². Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh B Văn bản số 8004/UBND-ĐC ngày 09/12/2019 v/v chấp thuận ranh giới, diện tích đất để xây dựng Thủy điện Đ, thành phố B và huyện B; trên cơ sở văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện B đã ban hành Thông báo số 28/TB-UBND ngày 24/02/2020 Thông báo chủ trương thu hồi đất xây dựng Thủy điện Đại Bình. Ban QLDA là đơn vị thực hiện giải phóng mặt bằng, đã tiến hành tổ chức họp dân, niêm yết công khai, thông báo thu hồi đất. Hết thời gian công khai Ban QLDA đầu tư xây dựng và công trình công cộng huyện B đã thống nhất số liệu kiểm kê hiện trạng, kiểm đếm tài sản trên đất, xác định diện tích thu hồi, thu thập thông tin, tài liệu liên quan của gia đình để xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ (đính kèm biên bản); quá trình kiểm đếm, xác định ranh giới thu hồi đất có sự tham gia của gia đình hộ ông Phạm Hoài T và bà Nguyễn Kim L2.

Sau khi Dự án Thủy điện Đại Bình được Ủy ban nhân dân tỉnh P hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính toán bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất tại quyết định số 2358/QĐ-UBND ngày 20/10/2020. Ban QLDA đầu tư xây dựng và công trình công cộng huyện B đã xây dựng và tổ chức họp dân công khai phương án bồi thường, hỗ trợ. Trong phương án bồi thường được công khai có đầy đủ thông tin về chủ sử dụng đất, diện tích thu hồi, số tờ bản đồ, số thửa và số tiền được bồi thường, hỗ trợ. Đồng thời trình Ủy ban nhân dân huyện P chi phí bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân. Trên cơ sở phương án bồi thường, hỗ trợ do Ban QLDA đầu tư xây dựng và công trình công cộng huyện B trình thẩm định. Phòng T6 tham mưu Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 2241/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 về việc thu hồi đất của hộ gia đình cá nhân để thực hiện dự án Thủy điện Đại Bình; Quyết định số 2234/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng thủy điện Đại Bình, địa điểm: xã T và xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Việc Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 2241/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 về việc thu hồi đất của hộ gia đình cá nhân để thực hiện dự án Thủy điện Đại Bình; Quyết định số 2234/QĐ-UBND ngày 30/06/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng thủy điện Đại Bình, địa điểm: xã T và xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, Điều 29; Điều 32 Quyết định số 50/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh L “*Quyết định ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng*”.

2/Nội dung Tòa án đề nghị Ủy ban nhân dân huyện B có văn bản trình bày về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, nội dung ban hành Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về giải quyết khiếu nại của ông Phạm Hoài T (lần đầu); Quyết định số 4224/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc cưỡng chế thu hồi đất. Về nội dung này Ủy ban nhân dân huyện có ý kiến như sau:

2.1/Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, nội dung ban hành Quyết định số 4224/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc cưỡng chế thu hồi đất:

Sau khi Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 2241/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 về việc thu hồi đất của hộ gia đình cá nhân để thực hiện dự án Thủy điện Đại Bình; Quyết định số 2234/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng thủy điện Đại Bình, địa điểm: xã T và xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và công trình công cộng huyện B, Ủy ban nhân dân xã L niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ. Hết thời gian công khai Ban Q đã tiến hành thông báo đến các hộ dân về thời gian, địa điểm nhận tiền theo thông báo lần 1 ngày 14/7/2021, lần 2 ngày 20/7/2021, lần 3 ngày 27/7/2021 nhưng hộ ông Phạm Hoài T và bà Nguyễn Kim L2 không đến nhận tiền. Ủy ban nhân dân xã L, Ban Q và chủ đầu tư có tổ chức làm việc với hộ ông Đặng Hoài T2 và một vài hộ dân vào các ngày 01/4/2022, ngày 20/5/2022 và ngày 10/8/2022 để tuyên truyền, vận động.

Tại 03 buổi làm việc với gia đình ông T2 bà L2, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và công trình công cộng huyện B, Ủy ban nhân dân xã L cũng đã thông báo toàn bộ nội dung tại 02 quyết định: Quyết định số 2234/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng thủy điện Đại Bình, địa điểm: xã T và xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; Quyết định số 2241/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 về việc thu hồi đất của hộ gia đình cá nhân để thực hiện dự án Thủy điện Đ để gia

đình được biết; tuyên truyền, giải thích các chính sách, pháp luật khi thực hiện bồi thường, hỗ trợ và thu hồi đất. Đồng thời vận động gia đình ông chấp thuận phương án, nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư. Tuy nhiên gia đình vẫn không đồng ý.

Ban Q tiếp tục có thông báo số 83/TB-BQL-BT ngày 27/10/2022 về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân chưa nhận tiền cả đợt 1 và đợt 2 (hộ bà L2 đã ký nhận thông báo) nhưng gia đình ông T2, bà L2 vẫn không chịu đến nhận tiền. Với lý do: không chấp nhận giá cả bồi thường.

Sau nhiều lần tuyên truyền vận động, thuyết phục gia đình ông T2, bà L2 thực hiện bàn giao đất theo quyết định thu hồi đất, nhưng gia đình vẫn không chấp hành bàn giao đất, nên Ban quản lý dự án và Ủy ban nhân dân xã L đã có Văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân huyện B quyết định cưỡng chế thu hồi đất. Ngày 10/11/2022 Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 4224/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Phạm Hoài T. Qua xác minh và làm việc với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và công trình công cộng huyện B, Ủy ban nhân dân xã L thì được biết:

Sau khi nhận được Quyết định cưỡng chế, ngày 11/11/2022 Ủy ban nhân dân xã L tiến hành làm việc với hộ ông Phạm Hoài T và bà Nguyễn Kim L2 để thông báo nội dung và bàn giao quyết định cưỡng chế (có bà Nguyễn Kim L2 thay mặt gia đình làm việc với Ủy ban nhân dân xã). Tuy nhiên, gia đình không nhận Quyết định và không chấp hành với lý do: không đồng ý với mức giá bồi thường.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện B, Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất yêu cầu Ủy ban nhân dân xã, các ban ngành, đoàn thể xã L tiếp tục tuyên truyền vận động các hộ dân có đất thu hồi để thực hiện dự án, chấp thuận phương án bồi thường hỗ trợ và bàn giao mặt bằng để triển khai dự án, để không phải thực hiện biện pháp cưỡng chế thu hồi đất. Nhưng gia đình vẫn không chấp nhận.

Do đó, ngày 28/11/2022 Ban thực hiện cưỡng chế đã xây dựng Phương án Cưỡng chế. Đồng thời ban hành thông báo số 218/TB- BTHCC tiến hành cưỡng chế theo quy định.

Ngày 30/11/2022, Ủy ban nhân dân xã L đã tiến hành mời 02 hộ dân trong đó có gia đình ông T, bà L2 làm việc vận động. Tại buổi làm việc Ủy ban nhân dân xã, các ban ngành, đoàn thể xã L đã vận động các hộ dân thống nhất giá bồi thường, hỗ trợ là 470 triệu/1.000m² do chủ đầu tư đưa ra để thỏa thuận với các hộ dân cao hơn giá đất bồi thường được phê duyệt tại quyết định (giá trung bình 207 triệu/1.000m²). Tuy nhiên, cả 02 hộ vẫn không đồng ý.

Ngày 01/12/2022, Ban thực hiện cưỡng chế tiến hành tổ chức cưỡng chế, nhưng gia đình bà L2 không có mặt tại hiện trường theo nội dung Thông báo, nên B thực hiện cưỡng chế tiến hành lập biên bản ghi nhận hiện trạng, niêm

phong tài sản và tiến hành cưỡng chế phá dỡ công trình, vật kiến trúc chặt hạ cây trồng trên khu đất bị cưỡng chế theo quy định.

Việc Ủy ban nhân dân huyện B tiến hành cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Phạm Hoài T và bà Nguyễn Kim L2 là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại khoản 3, khoản 4, Điều 71 Luật đất đai năm 2013.

2.2/Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, nội dung ban hành Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về giải quyết khiếu nại của ông Phạm Hoài T (lần đầu):

Không đồng ý với việc bồi thường, hỗ trợ và việc cưỡng chế bồi thường, hỗ trợ vì gia đình ông Phạm Hoài T và bà Nguyễn Kim L2 cho rằng giá đất tính toán bồi thường, hỗ trợ không hợp lý và việc thực hiện cưỡng chế thu hồi đất của gia đình bà không đúng quy trình. Do đó, ông Phạm Hoài T và bà Nguyễn Kim L2 làm đơn khiếu nại gửi Ủy ban nhân dân huyện B. Theo đó ngày 26/12/2022 UBND huyện B có thông báo số 230/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu; Quyết định số 4740/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại của gia đình ông Phạm Hoài T đối với việc thu hồi đất thửa số 73, 79, tờ bản đồ số 11, xã L tại dự án thủy điện Đ.

Tại Quyết định số 4740/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B giao Phòng T6 chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân huyện. Sau khi Phòng T6 tổ chức xác minh nội dung khiếu nại với Ủy ban nhân dân xã L, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và công trình công cộng huyện B, và Công ty T3 (chủ đầu tư) và tổ chức làm việc với hộ ông Phạm Hoài T và bà Nguyễn Kim L2 nhận thấy: Việc tính toán bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Phạm Hoài T và bà Nguyễn Kim L2 là đúng theo quy định của Pháp Luật. Đồng thời sau nhiều lần vận động hộ gia đình không nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng do đó Ủy ban nhân dân huyện tiến hành cưỡng chế thu hồi đất là đúng trình tự thủ tục theo quy định. Do đó Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về giải quyết khiếu nại của ông Phạm Hoài T (lần đầu).

Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, Điều 18 của Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 và đúng thể thức văn bản theo quy định tại mẫu số 15 Nghị định 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật khiếu nại.

3/Nêu ý kiến về việc người khởi kiện yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về giải quyết khiếu nại của ông Phạm Hoài T và bà Nguyễn Kim L2 (lần đầu); hủy Quyết định số 2234/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 về việc phê duyệt phương án

bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng thủy điện Đại Bình; hủy Quyết định số 2241/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 về việc thu hồi đất của hộ gia đình cá nhân để thực hiện dự án Thủy điện Đ; hủy Quyết định số 4224/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc cưỡng chế thu hồi đất:

Về nội dung này Ủy ban nhân dân huyện B đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng căn cứ chứng cứ hồ sơ vụ việc quyết định giải quyết theo quy định của Pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2024/HC-ST ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định như sau:

1/Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoài T, bà Nguyễn Kim L2 về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1163/QĐ-UBND ngày 13/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L về việc giải quyết đơn của ông bà Phạm Hoài T- Nguyễn Kim L2 (lần hai); Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Hoài T (lần đầu); Quyết định số 2241/QĐ-UBND ngày 30/06/2021 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc thu hồi đất; một phần Quyết định số 2234/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện B về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 4224/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về cưỡng chế thu hồi đất.

2/Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T bà L2. Buộc Ủy ban nhân dân huyện B phải thực hiện nhiệm vụ công vụ phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc cho ông Phạm Hoài T, bà Nguyễn Kim L2 theo đúng quy định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/02/2024 người khởi kiện ông Phạm Hoài T, bà Nguyễn Kim L2 kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Phạm Hoài T, bà Nguyễn Kim L2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Trong phần tranh luận:

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện phát biểu: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L2 có nộp đơn xin bổ sung thay đổi yêu cầu kháng cáo với nội dung: Nếu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu triệu tập chủ đầu tư tham gia tố tụng để hai bên thỏa thuận giá bồi thường là 500 triệu đồng/sào thì người khởi kiện xin rút toàn bộ **yêu cầu** khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

Theo trình bày tại phiên tòa phúc thẩm, bà L2 xác định chỉ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Nội

dung nhận định của bản án sơ thẩm không đúng quy định pháp luật do các quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường là vi phạm luật đất đai. Cụ thể quyết định thu hồi đất là vi phạm thời hạn thu hồi đất, trước khi có quyết định thu hồi phải có thông báo thu hồi đất, nhưng ông T bà L2 không nhận được thông báo thu hồi đất, người bị kiện không chứng minh có thông báo cho ông T, bà L2 nên vi phạm Điều 67, 69 Luật đất đai.

Ủy ban nhân dân huyện B vi phạm về trách nhiệm gửi quyết định, vì chưa được bàn giao cho ông T, bà L2. Ủy ban nhân dân xã H1 dân công khai phương án bồi thường nên ông T, bà L2 mới được biết phần diện tích bị thu hồi. Lý do mà Ban Q và Ủy ban nhân dân xã N ra về việc chưa bàn giao quyết định cho ông T, bà L2 là để tuyên truyền vận động người dân thu hồi đất là không hợp lý, vì nghĩa vụ gửi, giao quyết định thu hồi đất được pháp luật quy định, nhưng cơ quan có thẩm quyền không thực hiện.

Ủy ban nhân dân không có cơ sở để thực hiện việc cưỡng chế thu hồi vì trình tự ban hành các quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, nên người bị thu hồi không có nghĩa vụ phải chấp hành. Do trình tự thủ tục ban hành các quyết định vi phạm luật đất đai gây thiệt hại cho ông T, bà L2 nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy các quyết định này để ban hành lại quyết định thu hồi bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất

Các tài liệu chứng cứ thể hiện việc bồi thường thì người khởi kiện đã có cung cấp nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, không đưa chủ đầu tư vào tham gia tố tụng là sai sót nghiêm trọng. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, sửa bản án sơ thẩm hủy các quyết định hành chính bị kiện và buộc người bị kiện thực hiện nhiệm vụ công vụ, hủy phần bản án sơ thẩm về giá bồi thường giao về cho Tòa án cấp sơ thẩm hòa giải và giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật để thi hành án.

Người khởi kiện trình bày: Việc đo đạc thực hiện vào trước năm 2019, nhưng thông báo thu hồi đất vào ngày 24/02/2020 là sai về trình tự, vì thông báo thu hồi đất có sau kiểm đếm. Ngoài ra, trong thông báo thu hồi đất ghi thiếu thửa, việc kiểm đếm năm 2019 nhưng quyết định thu hồi năm 2021 nên giá trị bảng chiết tính không còn hợp lý. Trong thông báo thu hồi đất không ghi diện tích trên hồ sơ địa chính, mà diện tích là do chủ đầu tư áp vào, nên không có cơ sở để so sánh là đúng hay không. Căn cứ Nghị định 47/2014/NĐ-CP thì nội dung thu hồi đất được cơ quan có thẩm quyền ghi thiếu diện tích và số thửa theo hồ sơ địa chính là không đúng quy định pháp luật. Phần nội dung quyết định phê duyệt phương án bồi thường không thể hiện chi trả bồi thường. Việc thu hồi đất của người bị kiện gây ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của người khởi kiện.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L trình bày sai sự thật, vì người dân không được cầm văn bản thông báo thu hồi đất nên không thể có ý kiến. Nhận định của bản án sơ thẩm là không đúng với quy định pháp luật. Việc cưỡng chế không công khai minh bạch vì người dân không nhận được thông báo, nhưng bản án sơ thẩm nhận định việc cưỡng chế đúng quy định

pháp luật là không đúng. Trong biên bản của Tòa án ghi nhận người khởi kiện không bàn giao mặt bằng là không đúng, người khởi kiện vẫn chấp hành nhưng không đồng ý về giá bồi thường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng thủ tục theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Người khởi kiện kháng cáo do giá bồi thường thấp so với giá thị trường, nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh. Tài liệu mà người khởi kiện cung cấp không đủ căn cứ chứng minh. Đối với việc người khởi kiện cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm tố tụng khi không đưa chủ đầu tư vào tham gia tố tụng, thì tại sơ thẩm người khởi kiện không có yêu cầu nên Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở để xem xét. Về giá bồi thường mà đương sự nêu ra tại phiên tòa chưa được sơ thẩm xem xét, nên không thuộc phạm vi giải quyết của cấp phúc thẩm. Bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, nên yêu cầu kháng cáo không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Phạm Hoài T, bà Nguyễn Kim L2 làm trong thời hạn quy định pháp luật nên hợp lệ.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[3] Ngày 30/6/2021 Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 2241/QĐ-UBND thu hồi phần đất diện tích 8.646,1m² thuộc thửa 73, 79 tờ bản đồ số 11, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng của ông Phạm Hoài T, bà Nguyễn Kim L2 để thực hiện Dự án thủy điện Đ. Cùng ngày 30/6/2021 Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 2234/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với ông T, bà L2. Không đồng ý với các quyết định thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, ông T, bà L2 khiếu nại. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B có Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 (giải quyết khiếu nại lần 1), Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L có Quyết định số 1163/QĐ-UBND ngày 13/6/2023 (giải quyết khiếu nại lần 2) đều bác khiếu nại của ông T, bà L2. Ngày 10/11/2022 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B có Quyết định số 4224/QĐ-UBND cưỡng chế thu hồi đất. Ông T, bà L2 khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy tất cả các quyết định liên quan đến việc thu hồi, bồi thường hỗ trợ, cưỡng chế đối với phần đất trên; Yêu cầu Ủy ban nhân dân bồi thường cho ông, bà theo giá tại thời điểm cưỡng chế thu hồi đất.

[4] Bản án sơ thẩm nhận định:

[4.1] Việc tính bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của ông T, bà L2:

Tại khoản 1, Điều 5 Quyết định số 50/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh L quy định: “*Giá đất áp dụng để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất là giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân tỉnh Q tại thời điểm Nhà nước quyết định thu hồi đất*”. Dự án Thủy điện Đại Bình được Ủy ban nhân dân tỉnh L phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính toán bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất tại Quyết định số 2358/QĐ-UBND ngày 20/10/2020. Theo đó, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và công trình công cộng huyện B tính toán bồi thường theo hệ số giá đất được Ủy ban nhân dân tỉnh L phê duyệt tại quyết định số 2358/QĐ-UBND ngày 20/10/2020; Đơn giá cây trồng, vật kiến trúc trên đất cũng đã được đơn vị tính toán theo đúng đơn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh L phê duyệt. Tổng số tiền gia đình ông T, bà L2 được bồi thường, hỗ trợ là 1.714.644.000 đồng/8.377,5m²; cụ thể như sau:

- *Giá bồi thường về đất:*

Vị trí đất nông nghiệp tại xã L của hộ ông T, bà L2 được xác định là vị trí 3 theo bảng giá đất được quy định tại Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 đơn giá là 55.000 đồng/m². Hệ số điều chỉnh tại Quyết định số 2358/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh L là 1,82. Do đó, đơn giá bồi thường đất là 55.000 đồng x 1,82 = 100.100 đồng/m².

Tổng số tiền bồi thường về đất diện tích 8.377,5m² là: 838.588.000 đồng.

- *Giá bồi thường cây trồng:*

Theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh L ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng:

Theo bảng chiết tính: Tổng số tiền bồi thường về cây trồng: 400.173.000 đồng/1656 cây (gồm: cà phê, bơ mít, sầu riêng, măng cụt, chè...).

- *Công trình xây dựng nhà ở:*

Theo khoản 2, Điều 13 Quyết định số 50/2017QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh L ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng: Nhà cấp 4 diện tích 78m² xây dựng sau 01/7/2014 nên không tính toán bồi thường.

**Chính sách hỗ trợ:*

Ban Q đã tính toán đầy đủ các khoản hỗ trợ mà gia đình bà L2, ông T được hỗ trợ theo quy định, gồm hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất. cụ thể như sau:

- *Hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất:*

Theo Khoản 3, Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; điểm a, khoản 1, Điều 2 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 và Điều 20 Quyết định số 50/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh L; Báo cáo giá thị trường tháng 5/2021 của Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện B, thì hộ ông T có đất thu hồi chiếm tỷ lệ 47,9% diện tích đất nông nghiệp (theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L), xác định 06 nhân khẩu (theo số hộ khẩu):

Thu hồi 30 % đến 70% mức hỗ trợ là: 30kg x 6 tháng x 14.000 đồng (đơn giá gạo tế theo giá thị trường 5/2021). Tổng số tiền được hỗ trợ 15.120.000 đồng.

- Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm: Theo Điều 21 Quyết định số 50/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh L; Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh L về việc ban hành quy định giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Vị trí đất nông nghiệp tại xã L của hộ ông T, bà L2 được xác định là vị trí 3, đơn giá đất là 55.000 đồng/m².

Do đó, Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm: 8.377,5m² x 55.000 đồng = 460.763.000 đồng.

Ngoài ra, để đẩy nhanh tiến độ thu hồi đất, chủ đầu tư là Công ty cổ phần T3 trong quá trình phối hợp chính quyền địa phương tuyên truyền, vận động đã hỗ trợ thêm ngoài khung chính sách cho hộ gia đình ông T là 265.000 đồng/m².

[4.2] Đối với việc người khởi kiện cho rằng chưa nhận được Quyết định thu hồi đất:

Ủy ban nhân dân huyện B đã ban hành 02 Quyết định gồm:

- Quyết định số 2234/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng thủy điện Đại Bình, địa điểm: Xã T và xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng;

- Quyết định số 2241/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 về việc thu hồi đất của hộ gia đình cá nhân để thực hiện dự án Thủy điện Đ.

Qua xác minh, làm việc với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và công trình công cộng huyện B, Ủy ban nhân dân xã L thì Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và công trình công cộng huyện B, Ủy ban nhân dân xã L chưa bàn giao Quyết định thu hồi đất cho hộ ông T, đến ngày 30/11/2022 thì Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và công trình công cộng huyện B và Ủy ban nhân dân xã L mới bàn giao quyết định thu hồi cho gia đình. Do đó, với nội dung khiếu nại gia đình chưa nhận được quyết định thu hồi đất là đúng.

Qua làm việc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và công trình công cộng huyện B và Ủy ban nhân dân xã L, thì các đơn vị trình bày, như sau:

- Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Văn bản số 8004/UBND-ĐC ngày 09/12/2019 về việc chấp thuận ranh giới, diện tích đất để xây dựng Thủy điện Đ, thành phố B và huyện B; Ủy ban nhân dân huyện B đã ban hành Thông báo số 28/TB-UBND ngày 24/02/2020 Thông báo chủ trương thu hồi đất xây dựng Thủy điện Đại Bình. Ban Quản lý dự án là đơn vị thực hiện giải phóng mặt bằng đã tiến hành tổ chức họp dân, niêm yết công khai, thông báo thu hồi đất. Sau thời gian công khai Ban Quản lý dự án đã tiến hành kiểm tra hiện trạng, kiểm đếm tài sản trên đất, xác định diện tích thu hồi, thu thập thông tin, tài liệu liên quan của gia đình để xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ (đính kèm biên bản); Quá trình kiểm đếm, xác định ranh giới thu hồi đất có sự tham gia của gia đình.

- Đồng thời, trước khi trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt phương án Ban Quản lý dự án đã phối hợp với chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân xã L tổ chức họp dân công khai phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ, ông T có tham gia họp (*biên bản làm việc ngày 14/5/2021*). Trong phương án bồi thường được công khai có đầy đủ thông tin về chủ sử dụng đất, diện tích thu hồi, số tờ bản đồ, số thửa và số tiền được bồi thường, hỗ trợ. Do đó, gia đình ông T, bà L2 cũng đã biết được diện tích thu hồi đất để thực hiện dự án.

- Lý do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và công trình công cộng huyện B, Ủy ban nhân dân xã L chưa bàn giao quyết định thu hồi: Do gia đình không phối hợp vì cho rằng đơn giá bồi thường thấp. Nhưng trong quá trình niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thì Ban Q huyện B cũng đã niêm yết công khai cả quyết định thu hồi. Hết thời gian công khai Ban Q đã tiến hành thông báo đến các hộ dân về thời gian, địa điểm nhận tiền theo thông báo lần 01 ngày 14/7/2021, lần 02 ngày 20/7/2021, lần 03 ngày 27/7/2021 nhưng hộ ông T và bà L2 không nhận tiền. Ủy ban nhân dân xã L, Ban Q và chủ đầu tư có tổ chức làm việc với hộ ông Phạm Hoài T và một vài hộ dân vào các ngày 01/4/2022, ngày 20/5/2022 và ngày 10/8/2022 để tuyên truyền, vận động.

Tại 03 buổi làm việc với gia đình ông T, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và công trình công cộng huyện B, Ủy ban nhân dân xã L cũng đã thông báo toàn bộ nội dung tại 02 quyết định Quyết định số 2234/QĐ-UBND và Quyết định số 2241/QĐ-UBND để gia đình được biết, tuyên truyền, giải thích các chính sách, pháp luật khi thực hiện bồi thường, hỗ trợ và thu hồi đất. Đồng thời vận động gia đình ông chấp thuận phương án, nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư. Tuy nhiên gia đình vẫn không đồng ý.

Ban Q tiếp tục có thông báo số 83/TB-BQL-BT ngày 27/10/2022 về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân chưa nhận tiền cả đợt 1 và đợt 2 (*hộ bà L2 đã ký nhận thông báo*), Tuy nhiên, gia đình ông T, bà L2 vẫn không nhận tiền. Với lý do: Không chấp nhận giá cả bồi thường.

[4.3] Đối với nội dung khiếu nại việc cưỡng chế chưa đảm bảo về trình tự thủ tục, vì người khởi kiện chưa nhận được thông báo cưỡng chế:

Sau nhiều lần tuyên truyền vận động, thuyết phục gia đình ông T, bà L2 thực hiện bàn giao đất theo quyết định thu hồi đất, nhưng gia đình vẫn không chấp hành bàn giao đất, nên Ban quản lý dự án và Ủy ban nhân dân xã L đã có Văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân huyện B quyết định cưỡng chế thu hồi đất.

Ngày 10/11/2022 Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 4224/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Phạm Hoài T. Qua xác minh và làm việc với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và công trình công cộng huyện B, Ủy ban nhân dân xã L thì được biết:

- Sau khi nhận được quyết định cưỡng chế, ngày 11/11/2022 Ủy ban nhân dân xã L tiến hành làm việc với hộ ông T và bà L2 để thông báo nội dung và bàn giao quyết định cưỡng chế (*có bà Nguyễn Kim L2 thay mặt gia đình làm việc với Ủy ban nhân dân xã*). Tuy nhiên, gia đình không nhận quyết định và không chấp hành với lý do: không đồng ý với mức giá bồi thường.

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện B, Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất yêu cầu Ủy ban nhân dân xã, các ban ngành, đoàn thể xã L tiếp tục tuyên truyền vận động các hộ dân có đất thu hồi để thực hiện dự án, chấp thuận phương án bồi thường hỗ trợ và bàn giao mặt bằng để triển khai dự án, để không phải thực hiện biện pháp cưỡng chế thu hồi đất. Nhưng gia đình vẫn không chấp nhận.

Do đó, ngày 28/11/2022 Ban thực hiện cưỡng chế đã xây dựng Phương án Cưỡng chế. Đồng thời ban hành thông báo số 218/TB- BTHCC tiến hành cưỡng chế theo quy định.

Ngày 30/11/2022, Ủy ban nhân dân xã L đã tiến hành mời các hộ dân trong đó có gia đình ông T, bà L2 làm việc vận động. Tại buổi làm việc Ủy ban nhân dân xã, các ban ngành, đoàn thể xã L đã vận động các hộ dân thống nhất giá bồi thường, hỗ trợ là 470 triệu đồng/1000m² do chủ đầu tư đưa ra để thỏa thuận với các hộ dân cao hơn giá đất bồi thường được phê duyệt tại quyết định (giá trung bình 207 triệu đồng/1000 m²). Tuy nhiên, cả 02 hộ vẫn không đồng ý.

Ngày 01/12/2022, Ban thực hiện cưỡng chế tiến hành tổ chức cưỡng chế, nhưng gia đình bà L2 không có mặt tại hiện trường theo nội dung Thông báo, nên B thực hiện cưỡng chế tiến hành lập biên bản ghi nhận hiện trạng, niêm phong tài sản và tiến hành cưỡng chế phá dỡ công trình, vật kiến trúc chặt hạ cây trồng trên khu đất bị cưỡng chế theo quy định.

[4.4] Tuy nhiên, việc Ủy ban nhân dân huyện B không phê duyệt bồi thường nhà, vật kiến trúc cho ông T bà L2 là chưa đúng với Điều 13 Quyết định 50/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh L.

Đơn giá thực hiện theo Quyết định số 45/2022/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh L về việc Ban hành bảng giá nhà ở, công trình xây dựng và giá cấu kiện tổng hợp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 15/8/2023 Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và công trình công cộng huyện B đã có Thông báo số 62/TB-BQLDA-BT về việc công khai phương án bổ sung hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc khi nhà nước thu hồi đất xây dựng dự án thủy điện Đại Bình xã L và xã T huyện B (kèm theo tờ trình về việc đề nghị thẩm định bổ sung hỗ trợ nhà, vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng dự án thủy điện Đại Bình đợt 2). Theo thông báo này thì ông T bà L2 dự kiến được bồi thường bổ sung vật kiến trúc là 201.619.000 đồng là hoàn toàn phù hợp.

Từ những phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định việc Ủy ban nhân dân huyện B ban hành các quyết định về thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường khi thu hồi đất, cưỡng chế thu hồi đất là đúng quy định. Do vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại với nội dung bác khiếu nại là đúng quy định. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà L2 về việc yêu cầu hủy các quyết định này; Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện B phải thực hiện nhiệm vụ công vụ phê duyệt bồi thường bổ sung vật kiến trúc cho ông T, bà L2 theo đúng quy định pháp luật.

[5] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định, đánh giá đầy đủ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phán quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Ngoài ra, Hội đồng xét xử nhận định thêm: Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện cho rằng chủ đầu tư không tham gia tố tụng là thiếu người tham gia tố tụng, và yêu cầu Tòa án triệu tập chủ đầu tư tham gia phiên tòa để hai bên thỏa thuận về giá bồi thường. Xét thấy, dự án thủy điện Đ là dự án phát triển kinh tế, xã hội nên yêu cầu về giá bồi thường của người khởi kiện là không có căn cứ chấp nhận; Thỏa thuận giữa người khởi kiện với chủ đầu tư (nếu có) là giao dịch dân sự khác không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án hành chính; Đối với những nội dung người khởi kiện trình bày về việc cho rằng cơ quan có thẩm quyền không thực hiện đúng trình tự, thủ tục trong quá trình thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và cưỡng chế thu hồi đất thì đã được Bản án sơ thẩm nhận định làm rõ. Mặt khác, trong trường hợp các quyết định hành chính bị kiện không đúng về hình thức, nhưng về nội dung không làm thay đổi bản chất vụ việc, không ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của người bị áp dụng thì không cần thiết phải hủy các quyết định trên.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia

phiên tòa; Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, nên người có kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính,

I yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Phạm Hoài T, bà Nguyễn Kim L2.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 11/2024/HC-ST ngày 02/02/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Áp dụng Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Quyết định số 50/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh L ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh L về việc ban hành quy định giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Luật khiếu nại năm 2011; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 15/5/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X:

1/Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoài T, bà Nguyễn Kim L2 về việc yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 1163/QĐ-UBND ngày 13/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L về việc giải quyết đơn của ông bà Phạm Hoài T- Nguyễn Kim L2 (lần hai);

- Hủy Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban

nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Hoài T (lần đầu);

- Hủy Quyết định số 2241/QĐ-UBND ngày 30/06/2021 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc thu hồi đất;

- Hủy một phần Quyết định số 2234/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện B về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Hủy Quyết định số 4224/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về cưỡng chế thu hồi đất.

2/Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T bà L2. Buộc Ủy ban nhân dân huyện B phải thực hiện nhiệm vụ công vụ phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc cho ông Phạm Hoài T, bà Nguyễn Kim L2 theo đúng quy định.

3/Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

II/Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Phạm Hoài T, bà Nguyễn Kim L2 mỗi người phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo các biên lai thu số 0008832, 0008833 cùng ngày 22/02/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- NKK (2);
- NBK (3);
- Lưu (10) 22b (Án TTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên